

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
I.	HOÀN THIỆN THẺ CHẾ SỐ				
1.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp, Bộ KH&CN	Văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên
2.	Rà soát, đánh giá các chương trình, đề án, kế hoạch về phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các nội dung khác đã được cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Luật Chuyển đổi số và Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số; nếu cần thiết, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp các nội dung không còn phù hợp.	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo rà soát, đánh giá; danh mục chương trình, đề án, kế hoạch cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp; đề xuất văn bản xử lý theo thẩm quyền.	2026
3.	Xây dựng Luật An ninh dữ liệu, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua trong năm 2026.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Dự thảo Luật An ninh dữ liệu.	2026
4.	Xây dựng Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Nghị định của Chính phủ.	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	hàng hóa, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý thống nhất cho quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu quốc gia; Nghị định thay thế Nghị định số 169/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an.				
5.	Xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật về phát triển công dân số theo hướng huy động toàn thể nhân dân tham gia vào công cuộc chuyển đổi số, thành thạo kỹ năng số, trở thành công dân số tích cực, tham gia kiến tạo xã hội số, kinh tế số, chính phủ số.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Nghị quyết của Chính phủ.	2026
6.	Xây dựng các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Các Nghị định của Chính phủ.	2026
7.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp, Bộ KH&CN	Văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên
8.	Xây dựng, cập nhật và giám sát việc triển khai Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Hướng dẫn các cơ quan xây dựng Khung kiến trúc số	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp	Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Các văn bản hướng	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	cấp bộ, cấp tỉnh tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.			đẫn, hội thảo, hội nghị.	
9.	Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, đề nghị công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm, hàng hóa, quy trình, dịch vụ phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực.	Các bộ, ngành	Bộ Tư pháp, Bộ KH&CN	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.	Thường xuyên
10.	Xây dựng, duy trì, cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu dùng chung.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu dùng chung.	2026 - 2030
11.	Xây dựng Quyết định về Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; Cơ chế, chính sách cụ thể để các bộ, ngành, địa phương chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu; Chiến lược dữ liệu quốc gia.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	2026
12.	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ, Bộ KH&CN	Các quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng được chuẩn hóa, điện tử hóa.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.				
II.	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ				
13.	Phát triển hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 3 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Hạ tầng số của các bộ, ngành, địa phương hoạt động ổn định, thông suốt các cấp.	Thường xuyên
14.	Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng thành hạ tầng số dùng riêng quy mô quốc gia; bảo đảm chất lượng, an toàn, an ninh thông tin, bí mật nhà nước phục vụ kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã.	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương	Mạng truyền số liệu chuyên dùng thành hạ tầng số dùng riêng quy mô quốc gia.	2026 - 2030
15.	Chỉ đạo phủ sóng 5G toàn quốc, bảo đảm chất lượng cao tại các khu công nghiệp, đô thị lớn.	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương; các doanh nghiệp viễn thông	Mạng 5G được phủ sóng toàn quốc.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
16.	Nghiên cứu, cấp phép thử nghiệm và triển khai thương mại mạng di động 6G.	Bộ KH&CN	Các doanh nghiệp viễn thông	Mạng 6G được thử nghiệm và được triển khai thương mại sau thử nghiệm tại Việt Nam.	2026-2030
17.	Tiếp tục mở rộng và tối ưu kết nối Internet trong nước thông qua tăng cường kết nối ngang hàng trực tiếp, kết nối tới trạm trung chuyển Internet (IXP), trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX). Mở rộng mạnh mẽ kết nối Internet khu vực và quốc tế, đầu tư các tuyến cáp biển và phát triển Việt Nam trở thành trung tâm kết nối khu vực. Tăng tốc, chuyển đổi toàn bộ Internet Việt Nam sang hoạt động với IPv6 để phát triển hạ tầng số; thực hiện mục tiêu phát triển hạ tầng Internet Việt Nam chỉ sử dụng IPv6, tiến tới ngừng IPv4. Thúc đẩy các nền tảng số, dịch vụ số trong các lĩnh vực thương mại điện tử, giáo dục, y tế, báo chí, dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước sử dụng tên miền quốc gia ".vn".	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương	IPv6 được triển khai rộng khắp tại Việt Nam.	2026 - 2030
18.	Rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia để bảo đảm đáp ứng nguồn điện xanh, sạch, ổn định cho các trung tâm dữ liệu.	Bộ Công Thương	Bộ KH&CN, các địa phương	Bảo đảm đủ năng lượng điện cho các trung tâm dữ liệu hoạt động ổn định.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
19.	Ưu tiên hạ tầng triển khai bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực có nhu cầu điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng, sản xuất, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ công thiết yếu.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Hình thành và đưa vào vận hành hiệu quả các nền tảng dữ liệu, bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng và phát triển các lĩnh vực thiết yếu.	2026 - 2030
20.	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) được triển khai rộng khắp.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
21.	Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác, kèm theo lộ trình áp dụng phù hợp.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Văn bản quy phạm pháp luật.	2026 - 2030
III.	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ, NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG				
22.	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung để tập hợp dữ liệu đa dạng (cấu trúc và phi cấu trúc). Phát triển hệ thống xử lý dữ liệu thông minh riêng để xử lý, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm tạo ra các thông tin giá trị phục vụ chỉ đạo điều hành.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Kho dữ liệu dùng chung và hệ thống xử lý dữ liệu thông minh.	2026 - 2030
23.	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Tập trung hoàn thành việc số hóa và làm sạch các cơ sở dữ liệu cốt lõi, chuyên ngành như đất đai, nhà ở... gắn định danh chủ sở hữu với số định danh cá nhân để phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Các bộ, ngành chủ quản cơ sở dữ liệu	Bộ Công an; Bộ KH&CN; các địa phương	Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	2026 - 2030
24.	Thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an, Bộ Tư pháp	Các quy trình nghiệp vụ được tái cấu trúc.	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
25.	Phát triển các chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu và các dịch vụ dùng chung, cho phép các bộ, ngành phát triển ứng dụng riêng nhưng vẫn bảo đảm tính liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Các chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu và các dịch vụ dùng chung.	2026
26.	Xây dựng và làm chủ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai (đám mây công cộng, đám mây riêng, đám mây lai) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và xã hội.	Các doanh nghiệp công nghệ số	Bộ KH&CN	Hình thành các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây.	2026 - 2030
27.	Công bố và cập nhật danh sách các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đầu tư phát triển các hệ thống này.	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành	Danh sách các nền tảng số dùng chung.	2026 - 2030
28.	Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu và các lĩnh vực có yêu cầu cao về minh bạch, tiêu chuẩn và kết nối thị trường.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ KH&CN	Hình thành và mở rộng ứng dụng hiệu quả các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, thương mại, logistics, xuất khẩu	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
				và kết nối thị trường.	
29.	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung và AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Hình thành, làm chủ, triển khai hiệu quả và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung, AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	2026 - 2030
30.	Ứng dụng AI để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định các hồ sơ đơn giản nhằm chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Giảm 50% thời gian xử lý thủ tục hành chính nhờ ứng dụng AI, giúp giảm tải cho bộ máy hành chính và giảm thiểu rủi ro những nhầm lẫn.	2026 - 2030
31.	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh; ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN, Bộ Công an	Các mô hình ứng dụng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
				được phát triển, thử nghiệm, đánh giá và nhân rộng; đồng thời ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.	
32.	Cung cấp dữ liệu mở, hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an, Bộ KH&CN	Các bộ dữ liệu mở.	2026 - 2030
33.	Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công an; các địa phương.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	2026
34.	Xây dựng và phát triển hệ sinh thái nội dung số chủ lực, đa nền tảng để tuyên truyền, định hướng dư luận về chuyển đổi số và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân	Các bộ, ngành, địa phương	Hệ sinh thái nội dung số chủ lực, đa nền tảng.	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
35.	Tổ chức xây dựng và đưa vào vận hành 05 sàn giao dịch dữ liệu và trung tâm giao dịch dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ KH&CN, doanh nghiệp	05 sàn giao dịch dữ liệu/trung tâm giao dịch dữ liệu	2026-2030
IV.	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ				
36.	Xây dựng chương trình tiếp tục nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước và người dân.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN, Bộ Nội vụ	Các chương trình.	2026 - 2030
37.	Triển khai các mô hình dạy và học STEM/STEAM, kỹ năng số ngay từ cấp phổ thông.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Các mô hình giáo dục.	2026 - 2030
38.	Khuyến khích mô hình học tập suốt đời, đào tạo lại cho người lao động trong các ngành chịu tác động mạnh của tự động hóa, AI và chuyển đổi xanh.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Mô hình được triển khai hiệu quả.	2026 - 2030
39.	Triển khai hiệu quả mô hình “Học từ làm việc thực tế” liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Mô hình được triển khai hiệu quả.	2026 - 2030
40.	Triển khai chương trình “Bình dân học vụ số” trên phạm vi toàn quốc để phổ cập kỹ năng cho người dân, ưu tiên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, người dân sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Người dân được trang bị kỹ năng số cơ bản.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
41.	Phổ cập công dân số, hình thành, phát triển ứng dụng công dân số của địa phương, tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID.	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ KH&CN, Bộ Công an	Ứng dụng công dân số.	2026 - 2030
42.	Chủ trì tổ chức phổ biến, truyền thông, triển khai hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số; tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để cập nhật, bổ sung các quy tắc ứng xử phù hợp với thực tiễn phát triển của hệ sinh thái số trong giai đoạn tiếp theo.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số cập nhật, các hội nghị phổ biến, các tài liệu truyền thông trực quan, báo cáo đánh giá sơ kết, tổng kết hiệu quả triển khai, báo cáo chuyên đề.	Thường xuyên
43.	Chủ trì định hướng, thúc đẩy mạng xã hội Việt Nam phát triển an toàn, lành mạnh, trở thành công cụ lưu giữ, lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam; khuyến khích phát triển các sản phẩm, nội dung số có giá trị giáo dục, phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam; triển khai chiến dịch nâng cao năng lực số cho người dân, đặc biệt là trẻ em; triển khai các giải pháp hiệu quả chống lại sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi văn hóa trên môi trường số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ KH&CN, Bộ Công an	Giao ban định hướng truyền thông, các chiến dịch truyền thông, báo cáo đánh giá.	Thường xuyên
44.	Đẩy mạnh các hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là các tổ công nghệ số cộng đồng; có chính sách hỗ trợ hoạt	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ KH&CN	Hình thành Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, nòng cốt là	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	động của tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, phường, kết hợp xã hội hóa nhằm phát huy hiệu quả hoạt động.			tổ công nghệ số cộng đồng.	
V.	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ				
45.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, làm chủ và ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, công nghệ số trong Danh mục công nghệ chiến lược phục vụ chuyển đổi số quốc gia.	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương	Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, công nghệ số chiến lược phục vụ chuyển đổi số quốc gia.	2026 - 2030
46.	Khuyến khích các tập đoàn công nghệ lớn của Việt Nam đầu tư phát triển các nền tảng điện toán đám mây (Cloud), AI, xử lý dữ liệu (Data Engine) nội địa.	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp công nghệ số	Hình thành các nền tảng Cloud, AI, Data Engine nội địa đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi tại Việt Nam.	2026 - 2030
47.	Mở rộng, phát triển kinh tế số từ việc số hóa, chuyển đổi các hoạt động kinh tế hiện hữu lên môi trường số đến kiến tạo các mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số, ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ số chiến lược.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Hình thành và phát triển các ngành kinh tế mới ở Việt Nam.	2026 - 2030
48.	Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã xây dựng hiện diện số trực	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	tuyến trên Internet thông qua tên miền quốc gia “.vn” gắn với các dịch vụ số (website, email), nền tảng số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng mức độ tin cậy trong giao dịch số.			doanh, hợp tác xã được hỗ trợ xây dựng hiện diện số trực tuyến trên Internet thông qua tên miền quốc gia “.vn” gắn với website, email và các dịch vụ số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng độ tin cậy trong giao dịch số.	
49.	Phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước làm chủ công nghệ bảo mật.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam.	2026 - 2030
VI.	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ				
50.	Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về công nghệ số (đặc biệt là đạo đức AI, quản trị dữ liệu, công nghệ 6G) vì sự phát triển an toàn và cùng có lợi.	Bộ KH&CN	Bộ Ngoại giao	Các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế.	Thường xuyên
51.	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, mở rộng thị trường ra nước ngoài về công nghệ số, dịch vụ số mà Việt Nam có lợi thế.	Bộ Công Thương	Bộ KH&CN, Bộ Ngoại giao	Cơ chế, chính sách.	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
52.	Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Các hoạt động hợp tác quốc tế, biên bản ghi nhớ.	2026 - 2030
53.	Chủ động tham gia vào các sáng kiến không gian dữ liệu của khu vực ASEAN và toàn cầu. Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về liên thông dữ liệu để tạo điều kiện cho thương mại số xuyên biên giới.	Bộ Công an	Bộ Ngoại giao, Bộ KH&CN	Các hoạt động hợp tác quốc tế, biên bản ghi nhớ.	2026 - 2030
54.	Có chính sách ưu đãi đặc thù về môi trường làm việc để thu hút các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu hàng đầu thế giới về Việt Nam làm việc.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ KH&CN	Các chính sách được ban hành.	2026 - 2030
55.	Tăng cường hợp tác quốc tế lĩnh vực tài nguyên Internet, hạ tầng Internet, đẩy mạnh sự tham gia của Việt Nam trong xây dựng chính sách quốc tế; chủ trì tổ chức các diễn đàn lớn của khu vực, toàn cầu tại Việt Nam; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai sáng kiến khu vực, toàn cầu trong lĩnh vực Internet.	Bộ KH&CN	Bộ Ngoại giao	Vai trò, vị thế của Việt Nam trong hợp tác quốc tế về tài nguyên Internet, hạ tầng Internet và chính sách Internet toàn cầu được nâng cao; các diễn đàn, sáng kiến khu vực, toàn cầu trong lĩnh vực Internet được tổ chức, tham gia hoặc dẫn dắt triển khai tại Việt Nam.	Thường xuyên

